

Số: /QĐ-UBND Lạng Giang, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31 đoạn Km2 +400 - Km44 +900 tỉnh Bắc Giang, tại xã Thái Đào

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 Ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh); Công văn số 1250/SNN-KHTC, ngày 29/6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang về công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất 6 tháng cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 146/TB-UBND ngày 06/12/2022 của UBND huyện Lạng Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31 đoạn Km2+400 - Km44+900 tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 370/TTr-NN&PTNT ngày 08/12/2022 về việc đề nghị phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31 đoạn Km2+400 - Km44+900 tỉnh Bắc Giang, tại xã Thái Đào.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31 đoạn Km2+400 - Km44+900 tỉnh Bắc Giang, tại xã Thái Đào để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, cụ thể (Có phụ lục chi tiết đính kèm).

2. Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự GT, XD, MT và UBND xã Thái Đào có trách nhiệm:

- Phối hợp thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho đối tượng nơi có đất thu hồi theo quy định.

- Chủ tịch UBND xã Thái Đào có trách nhiệm niêm yết quyết định tại Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi và trụ sở UBND xã.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính - Kế hoạch, Thanh tra, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước, Chi Cục thuế khu vực Lạng Giang - Lục Nam; Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Quản lý trật tự GT, XD, MT; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện; Chủ tịch UBND xã Thái Đào và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH, CNTT, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Thị Hương Lan

PHỤ LỤC
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của UBND huyện)

STT	Loại tài sản	ĐVT	Đơn giá
1	Cây trồng hàng năm	đ/m ²	9.500
2	Hoa Lay ơn, hoa Loa kèn	đ/m ²	35.200
3	Đào tán chiều cao từ 150cm-200cm, MĐBQ 0,5 cây/m ²	đ/m ²	43.000
4	Cây Sanh, Cây Lộc Vừng, cây 2-3 năm, MĐBQ 0,5 cây/m ²	đ/m ²	136.000
5	Cây Cau vua:		
-	Cây cao trên 4m, ĐK gốc từ 36cm trở lên	đ/cây	327.000
-	Cây cao từ 1,6m đến 3m, ĐK gốc từ 16-25cm	đ/cây	178.000
-	Cây cao từ 3,1m đến 4m, ĐK gốc từ 26-35cm	đ/cây	255.000
6	Ao hồ nuôi cá chuyên canh, chưa đến thời kỳ thu hoạch và không có ao để di chuyển	đ/m ²	13.700
7	Mít ĐK gốc 9cm ≤ Ø < 12cm	đ/cây	425.000
8	Cau ĐK gốc 6cm ≤ Ø < 9cm	đ/cây	55.000
9	Cây Sung:		
-	Sung ĐK gốc 9cm ≤ Ø < 12cm	đ/cây	235.000
-	Sung ĐK gốc 25cm ≤ Ø < 30cm	đ/cây	485.000
-	Sung ĐK gốc từ 30 cm trở lên	đ/cây	555.000
10	Cây Đào ĐK gốc 15cm ≤ Ø < 20cm	đ/cây	340.000
11	Chuối đã có quả	đ/khóm	87.000
12	Nhãn ĐK tán lá 3m ≤ F < 4m	đ/cây	758.000
13	Tre:		
-	Tre già ĐK gốc < 7cm	đ/cây	32.000
-	Tre già ĐK gốc ≥ 7cm	đ/cây	34.000
-	Tre non, tre bánh tẻ ĐK gốc < 7cm	đ/cây	19.000
14	Bạch đàn ĐK gốc từ trên 13-<20cm	đ/cây	163.000
15	Keo:		
-	Keo ĐK gốc từ trên 13-<20cm	đ/cây	163.000
-	Keo ĐK gốc từ trên 10-13cm	đ/cây	123.000

STT	Loại tài sản	ĐVT	Đơn giá
16	Xoan:		
-	Xoan ĐK gốc từ trên 13-<20cm	đ/cây	163.000
-	Xoan ĐK gốc từ trên 10-13cm	đ/cây	123.000
-	Xoan ĐK gốc từ 5-10cm	đ/cây	118.000
-	Xoan D1,3<5cm, chiều cao >3m	đ/cây	45.000
17	Xà cừ ĐK gốc từ trên 13-<20cm	đ/cây	163.000
18	Cây sưa ĐK gốc D1,3 <6cm; chiều cao >2-3m	đ/cây	52.000
